

Bản án số: 36/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 03-5-2024

“V/v tranh chấp ly hôn”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỦ THỪA, TỈNH LONG AN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Lưu Thủy.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1- Bà Nguyễn Thị Thu Tâm.

2- Ông Bùi Mạnh Quyết

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Phan Ngọc Nhân, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thủ Thừa:** ông Nguyễn Anh Thi - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 48/2024/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 02 năm 2024 về “Tranh chấp ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 37/2024/QĐST-HNGĐ, ngày 29 tháng 3 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: bà Nguyễn Thị Minh M, sinh năm: 1994. Địa chỉ: ấp C, xã L, huyện T, tỉnh Long An

- Bị đơn: ông Huỳnh Đăng T, sinh năm: 1989. Địa chỉ: : ấp C, xã L, huyện T, tỉnh Long An.

(Bà M có mặt, ông T vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện ngày 06/02/2024 bà Nguyễn Thị Minh M trình bày: bà M và ông Huỳnh Đăng T có đăng ký kết hôn vào ngày 28/5/2012 tại UBND xã L, huyện T, tỉnh Long An theo giấy chứng nhận kết hôn số 35/2012. Sau khi kết hôn bà M và ông T sống chung cùng gia đình ông T tại ấp C, xã L, huyện T, tỉnh Long An. Thời gian đầu bà M và ông T làm ruộng cùng gia đình ông T, sau đó có mở quán bán đồ ăn sáng cấp tỉnh lộ 817 tại ấp C, xã L, huyện T. Tuy nhiên sau đó vợ chồng có nhiều mâu thuẫn và ngày càng trầm trọng không thể hàn gắn được, do ông T đam mê cờ bạc, rượu chè, bỏ bê, không quan tâm vợ con vì vậy bà M đã dẫn con gái đầu về nhà cha mẹ ruột ở xã M một thời gian cho ông T suy nghĩ lại, sau đó ông T có xuống rước vợ con về và cam kết lo làm ăn để lo cho gia đình và bà M còn thương chồng, thương con nên đã đồng ý quay về sống chung với ông T và đã sinh thêm đứa con trai. Nhưng sau khi thay đổi

được một thời gian thì ông T lại tiếp tục ăn chơi không lo vợ con mà ngày càng lún sâu vào con đường cờ bạc, vào khoảng cuối năm 2021 ông T đổ nợ trên 01 tỷ đồng, gia đình phải trả nợ cho ông T. Từ đó đến nay ông T liên tục đi về kiếm có chửi mắng vợ con, bà M và ông T đã sống ly thân từ ngày 15/02/2024 đến nay. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên bà M yêu cầu được ly hôn với ông T.

Về con chung: có 02 con chung Huỳnh Mỹ D, sinh ngày 6/8/2012 và Huỳnh Đăng K, sinh ngày 17/3/2021. Khi ly hôn bà M yêu cầu được nuôi dưỡng 02 con chung, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Huỳnh Đăng T trình bày: điều kiện kết hôn, thời gian kết hôn đúng như lời bà M trình bày, nay bà M yêu cầu ly hôn thì ông T không đồng ý vì còn thương vợ con.

Về con chung: có 02 con chung Huỳnh Mỹ D, sinh ngày 6/8/2012 và Huỳnh Đăng K, sinh ngày 17/3/2021. Trường hợp ly hôn ông T yêu cầu được nuôi dưỡng 02 con chung, không yêu cầu bà M cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã tổ chức hòa giải nhưng hai bên không đoàn tụ được, bà M kiên quyết ly hôn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thủ Thừa tỉnh Long An phát biểu quan điểm: từ khi thụ lý đến khi đưa vụ án ra xét xử, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đã được thực hiện đúng các thủ tục tố tụng theo quy định pháp luật. Về nội dung vụ án: bà M xin ly hôn, ông T không đồng ý nhưng không có thiện chí hàn gắn nên đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà M. Về con chung: có 02 con chung Huỳnh Mỹ D, sinh ngày 6/8/2012 và Huỳnh Đăng K, sinh ngày 17/3/2021. Khi ly hôn bà M yêu cầu được nuôi dưỡng 02 con chung, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con. Ông T không đồng ý ly hôn, trường hợp ly hôn ông T yêu cầu được nuôi dưỡng 02 con chung, không yêu cầu bà M cấp dưỡng nuôi con. Hiện con Huỳnh Mỹ D đang ở chung ông T và theo nguyện vọng con muốn ở với ông T, con Huỳnh Đăng K hiện đang ở với bà M. Để đảm bảo tâm lý đứa trẻ, khi ly hôn giao con Huỳnh Mỹ D cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng, giao con Huỳnh Đăng K cho bà M trực tiếp nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng nuôi con là phù hợp. Về tài sản chung và nợ chung các bên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quyết định.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền: bà Nguyễn Thị Minh M nộp đơn yêu cầu được ly hôn với ông Huỳnh Đăng T. Căn cứ nơi cư trú của bị đơn, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa theo quy định tại Điều 28, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về sự vắng mặt của đương sự: bà Nguyễn Thị Minh M có mặt, ông Huỳnh Đăng T vắng mặt. Tòa án giải quyết vắng mặt đương sự theo quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Nội dung:

Căn cứ lời trình bày của bà M và ông T và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án xác định sau:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Bà M và ông T được pháp luật công nhận là vợ chồng. Hôn nhân của bà M và ông T đã không có tiếng nói chung, không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay bà M vẫn kiên quyết xin ly hôn. Ông T không thống nhất ly hôn nhưng ông T không đưa ra được giải pháp để hàn gắn hôn nhân và vắng mặt tại phiên tòa giải quyết vụ án thể hiện ông T không có thiện chí hàn gắn hôn nhân với nhau. Như vậy, yêu cầu xin ly hôn của bà M là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: có 02 con chung Huỳnh Mỹ D, sinh ngày 6/8/2012 và Huỳnh Đăng K, sinh ngày 17/3/2021. Khi ly hôn bà M yêu cầu được nuôi dưỡng 02 con chung, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con. Ông T không đồng ý ly hôn, trường hợp ly hôn ông T yêu cầu được nuôi dưỡng 02 con chung, không yêu cầu bà M cấp dưỡng nuôi con. Hiện con Huỳnh Mỹ D đang ở chung ông T và theo nguyện vọng con muốn ở với ông T, con Huỳnh Đăng K hiện đang ở với bà M. Để đảm bảo tâm lý đứa trẻ, khi ly hôn giao con Huỳnh Mỹ D cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng, giao con Huỳnh Đăng K cho bà M trực tiếp nuôi dưỡng, ông T và bà M không phải cấp dưỡng nuôi con.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: các đương sự không có yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội thì bà M phải chịu 300.000 đồng án phí về ly hôn.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Điều: 35, 39, khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội. Áp dụng khoản 1 Điều 56 và các điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Minh M.

Về quan hệ hôn nhân: bà Nguyễn Thị Minh M được ly hôn với ông Huỳnh Đăng T.

Về con chung: có 02 con chung Huỳnh Mỹ D, sinh ngày 6/8/2012 và Huỳnh Đăng K, sinh ngày 17/3/2021. Khi ly hôn bà M được quyền nuôi dưỡng con chung Huỳnh Đăng K sinh ngày 17/3/2021, ông Huỳnh Đăng T được quyền nuôi dưỡng con chung Huỳnh Mỹ D, sinh ngày 6/8/2012. Bà M và ông T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Mặc dù không được trực tiếp nuôi con chung nhưng bà M và ông T có quyền thăm, chăm sóc con chung không ai được quyền ngăn cản. Vì lợi ích của con chung cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: các đương sự không có yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

## 2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị Minh M phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà M đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0008190 ngày 22 tháng 02 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An. Ông Huỳnh Đăng T không phải chịu án phí.

3. Án xử sơ thẩm, báo cho nguyên đơn biết nếu không đồng ý với quyết định của bản án thì có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án 03/5/2024, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án và người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án; quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 và 30 Luật Thi hành án dân sự.

### ***Nơi nhận:***

- TAND, VKSND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Thủ Thừa;
- Chi cục THADS huyện Thủ Thừa;
- UBND xã Long Thạnh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

**Nguyễn Lưu Thủy**